

**DANH MỤC 32 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
I	Thủ tục hành chính cấp huyện (15 thủ tục)								
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài ¹	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp huyện	70.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	x	x	x	

¹ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; phí, lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 1, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ²	15 ngày	UBND cấp huyện	1.200.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		X		
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ³	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

²Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; lệ phí; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 2, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

³ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 3, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ⁴	15 ngày	UBND cấp huyện	1.200.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ⁵	15 ngày	UBND cấp huyện	- Đăng ký khai sinh: 70.000 đồng - Nhận cha, mẹ con: 1.000.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		

⁴ Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 4, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

⁵ Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 5, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài ⁶	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ Luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài ⁷	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ Luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

⁶ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 6, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

⁷ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 7, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc ⁸	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	UBND cấp huyện	28.000 đồng	<p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	x	x	x	
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ⁹	12 ngày	UBND cấp huyện	70.000 đồng	<p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	x	x	x	

⁸ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền quyết định; lệ phí; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 8, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP

⁹ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 9, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ¹⁰	12 ngày	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	x	x	x	
11	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) ¹¹	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	x	x	x	

¹⁰ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền quyết định; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 10, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

¹¹ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 11, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài ¹²	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân ¹³	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

¹² Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết; cơ quan phối hợp; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 12, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

¹³ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết; cơ quan phối hợp; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 13, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài ¹⁴	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp huyện	1.200.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài ¹⁵	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	UBND cấp huyện	70.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

¹⁴ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thời gian giải quyết; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 14, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

¹⁵ Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 15, mục I, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
II Thủ tục hành chính thực hiện tại cấp xã (16 thủ tục)									
1	Đăng ký khai sinh ¹⁶	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 	X	X	X	
2	Đăng ký kết hôn ¹⁷	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 		X		

¹⁶ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 1, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

¹⁷ Sửa đổi, bổ sung: lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 2, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con ¹⁸	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	UBND cấp xã	15.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con ¹⁹	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	UBND cấp xã	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. - Nhận cha, mẹ con: 15.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		

¹⁸ Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 3, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

¹⁹ Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 4, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
5	Đăng ký khai tử ²⁰	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	5.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	x	x	x	
6	Đăng ký khai sinh lưu động ²¹	05 ngày làm việc	Tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, đảm bảo thuận lợi cho người dân	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang				

²⁰ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 5, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

²¹ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 6, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
7	Đăng ký kết hôn lưu động ²²	05 ngày làm việc	Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 				
8	Đăng ký khai tử lưu động ²³	05 ngày làm việc	Tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, đảm bảo thuận lợi cho người dân	<p>5.000 đồng</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 				

²² Sửa đổi, bổ sung: lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 7, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

²³ Sửa đổi, bổ sung: lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 8, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
9	Đăng ký giám hộ ²⁴	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 	X	X	X	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ ²⁵	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang 	X	X	X	

²⁴ Sửa đổi, bổ sung: lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 13, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

²⁵ Sửa đổi, bổ sung: lệ phí; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 14, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch ²⁶	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; không quá 06 ngày làm việc đối với trường hợp phải xác minh - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	15.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ²⁷	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	UBND cấp xã	15.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

²⁶ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; cơ quan thực hiện TTHC; lệ phí; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 15, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

²⁷ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 16, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
13	Đăng ký lại khai sinh ²⁸	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp xã	8.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân ²⁹	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp xã	8.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

²⁸ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 17, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

²⁹ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 18, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
15	Đăng ký lại kết hôn ³⁰	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	UBND cấp xã	25.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang		X		
16	Đăng ký lại khai tử ³¹	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	UBND cấp xã	5.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	X	X	X	

³⁰ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 19, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

³¹ Sửa đổi, bổ sung: cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại khoản 20, mục II, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa	Dịch vụ công trực tuyến	
								Mức độ 3	Mức độ 4
III	Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch (01 thủ tục)								
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch ³²	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.	x	x	x	

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

³² Sửa đổi, bổ sung: thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý tại mục III, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020